

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 30/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân H**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Văn D**
2. Ông **Lưu Th**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Minh T** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 46/2023/TLST-DS ngày 07/6/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Châu Thị Ngọc Th**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Đoàn Tr**, sinh năm 1965 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Đội 6, thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Ông Tr có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc Th trình bày: Giữa bà và vợ chồng ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 24/4/2023, do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên vợ chồng Ông Tr, bà L có vay của bà số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng chứ không ghi trong hợp đồng vay, Ông Tr là người viết giấy vay. Do không đáo hạn được ngân hàng nên ngày 26/4/2023, Ông Tr bà L đã lập Giấy cam kết thừa nhận khoản nợ và cam kết giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135315 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/01/2015 cho ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L cho bà Thành để làm tin cho khoản nợ.

Mặc dù nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.200.000.000 đồng và khoản tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 0,83%/1tháng tính từ ngày

26/4/2023 đến ngày xét xử 15/8/2023 là 04 tháng 05 ngày, thành tiền là 41.500.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.241.500.000 đồng.

Khi nào bị đơn trả hết nợ thì nguyên đơn sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135315 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/01/2015 cho ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Tr trình bày: Ngày 24/4/2023, vợ chồng tôi có mượn của bà Châu Thị Ngọc Th số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất không có thỏa thuận, thời hạn vay là 02 ngày. Do ngân hàng không cho vay lại nên ông bà không trả nợ cho bà Th được như cam kết. Nay bà Th yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền gốc còn nợ là 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ theo mức lãi suất 0,83%/1tháng tính từ ngày 26/4/2023 đến nay thì ông bà chỉ chấp nhận trả tiền gốc chứ không chấp nhận trả tiền lãi. Ngoài ra, do ông bà chưa có tiền để trả nên đề nghị khi nào ông bà bán được rẫy thì sẽ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và phải chịu khoản tiền lãi tính từ ngày 26/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.500.000 đồng; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà L. Tuy nhiên, bà L không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 24/4/2023, ông Đoàn Tr xác lập “Giấy cho mượn tiền” để vay số tiền 1.200.000.000 đồng của bà Châu Thị Ngọc Th, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 02 ngày, không thỏa thuận về lãi suất. Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là có kỳ hạn và không có thỏa thuận về lãi suất, được các bên thực hiện tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Ngoài việc lập giấy tờ vay, ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L còn lập Giấy cam kết vào ngày 26/4/2023 thừa nhận khoản tiền nợ đối với nguyên đơn và kèm theo đó là việc giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135316 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/01/2015 đứng tên ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L cho nguyên đơn để làm tin. Vì vậy, đây là khoản nợ chung của Ông Tr và bà L.

Hết thời hạn cam kết, mặc dù nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền vay với mức lãi suất 0,83%/1tháng tính từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. Tại phiên tòa,

yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn cũng được Ông Tr chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Cụ thể: ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Châu Thị Ngọc Th số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày 30/8/2023 là 41.500.000 đồng ($1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/1\text{tháng} \times 04 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}$). Tổng cộng là 1.241.500.000 đồng.

[2.2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135316 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/01/2015 đứng tên ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L. Khi vay tiền, Ông Tr bà L đã đưa cho nguyên đơn giữ với mục đích làm tin, đảm bảo cho khoản vay. Vì vậy, cần buộc nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận này cho bị đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Ngọc Th.

1. Buộc ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Châu Thị Ngọc Th số tiền 1.241.500.000 đồng (*Một tỉ hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng*). Trong đó: số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 41.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bà Châu Thị Ngọc Th phải trả lại cho ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135316 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/01/2015 đứng tên ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí:

Buộc ông Đoàn Tr và bà Nguyễn Thị L phải chịu 49.245.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Châu Thị Ngọc Th số tiền 24.403.200 đồng (*Bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009983 ngày 07/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn là ông Đoàn Tr có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/8/2023. Bị đơn là bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H